

HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN NGÀNH VĂN HÓA HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

Vũ Thị Kim Ngân

Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh
Email: vungan412@gmail.com

Article history

Received: 13/9/2021
Accepted: 26/10/2021
Published: 20/11/2021

Keywords

English learning, activities, students of Culturology, Ho Chi Minh City University of Culture

ABSTRACT

The goal of training non-English majored students to reach Level 3 (B1) in Vietnamese Standardized Test of English Proficiency is an important issue in higher education in recent years. The purpose of this article is to analyze the current situation of English learning activities in mainstream and extra-curricular of students of Culturology at Ho Chi Minh city University of Culture. The quantitative research sample is a group of 158 students of Culturology participating in the questionnaire survey. The study results indicate some problems and limitations in English learning activities at the university, including study motivation, the training program, learning environments, curricular schemes; therefore, the author proposes some recommendations which may be applied to improve this state of affairs in the near future.

1. Mở đầu

Ở nhiều khía cạnh, ngoại ngữ đã trở thành một phương tiện quan trọng giúp kết nối và nâng cao vốn văn hóa của mỗi con người. Trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra vô cùng sâu rộng như hiện nay, tri thức không ngừng tăng lên, xã hội ngày càng phát triển, việc thành thạo một ngoại ngữ chính là có thêm chìa khóa để mở ra các cơ hội học tập, làm việc và hội nhập với thế giới.

Tại Việt Nam, Chính phủ, Bộ GD-ĐT đã triển khai nhiều đề án để nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong toàn hệ thống giáo dục quốc dân. Đặc biệt, ở bậc cao đẳng, đại học, việc tổ chức dạy và học ngoại ngữ đang được đầu tư rất lớn với mục tiêu làm sao để sinh viên (SV) đạt được chuẩn đầu ra Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam; nghĩa là “*tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và đại học có đủ năng lực ngoại ngữ sử dụng độc lập, tự tin trong giao tiếp, học tập, làm việc trong môi trường hội nhập, đa ngôn ngữ, đa văn hóa; biến ngoại ngữ trở thành thế mạnh của người dân Việt Nam, phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước*” (Thủ tướng Chính phủ, 2008).

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, sau khi học xong chương trình phổ thông cũng như tốt nghiệp ở nhiều trường cao đẳng, đại học, học sinh, SV không thể đạt được trình độ tiếng Anh như mục tiêu đề ra. Từ thực tế đó, tháng 8/2021, chúng tôi tiếp tục khảo sát lấy ý kiến của SV ngành Văn hóa học tại Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh để xác định ra những mặt hạn chế trong hoạt động học tập tiếng Anh chính khóa lẫn ngoại khóa tại Trường, từ đó đưa ra các đề xuất liên quan nhằm cải thiện hoạt động này, giúp SV khi tốt nghiệp đạt được năng lực tiếng Anh từ Bậc 3 trở lên.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Công cụ nghiên cứu và đối tượng khảo sát

Chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, thu thập số liệu thông qua phiếu điều tra để tìm hiểu về hoạt động học tập tiếng Anh của SV ngành Văn hóa học tại Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh. Việc khảo sát tiến hành ngẫu nhiên và phân bố toàn diện trên tất cả SV của Khoa Văn hóa học ở cả 4 chuyên ngành: Văn hóa Việt Nam, Công nghiệp Văn hóa, Truyền thông Văn hóa và Việt Nam học. Nội dung câu hỏi điều tra giúp xác định cụ thể hơn về các hoạt động, mức độ, nhu cầu, nguyện vọng của SV ngành Văn hóa học trong việc học tập tiếng Anh tại Trường, từ đó tìm ra những nguyên nhân, yếu tố ảnh hưởng đến việc học tập và đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện năng lực tiếng Anh của SV trong thời gian theo học tại trường.

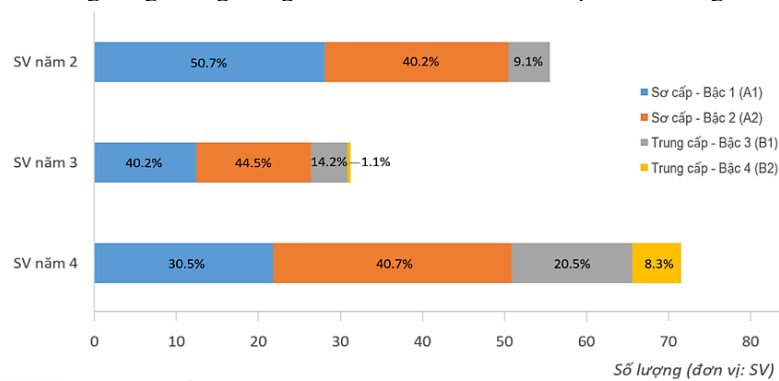
Phiếu điều tra được gửi đến SV các lớp thuộc ngành Văn hóa học trong tháng 8/2021, với điều kiện đã hoàn thành ít nhất 1 học phần tiếng Anh tổng quát của Trường, cho nên phần lớn là SV năm thứ 2, năm thứ 3 và năm thứ 4. Sau khi SV trả lời, các phiếu điều tra được thu thập lại, loại bớt những phiếu không phù hợp hoặc có câu trả lời không đầy đủ, chúng tôi thống kê và sử dụng phần mềm Excel để tính phần trăm và xác lập ra các biểu đồ có liên quan.

2.2. Kết quả khảo sát và thảo luận

2.2.1. Về việc sinh viên tự đánh giá năng lực tiếng Anh

Theo Kế hoạch số 808/KH-BGDĐT ngày 16/8/2012, Bộ GD-ĐT đã ban hành “Kế hoạch triển khai Đề án ngoại ngữ 2020 trong các cơ sở giáo dục đại học giai đoạn 2012-2020”, triển khai từ năm học 2011-2012. Theo đó, đối với các ngành học không chuyên ngữ, sau khi tốt nghiệp SV phải đạt trình độ tối thiểu Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc tại Việt Nam. Chuẩn Bậc 3 yêu cầu người học như sau: “*Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, ... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến các khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được các kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hi vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lí do, giải thích các ý kiến và kế hoạch của mình*” (Bộ GD-ĐT, 2014).

Với thống kê thu được từ 158 mẫu phiếu hợp lệ, cơ cấu SV tham gia khảo sát bao gồm 3 nhóm: 55 SV năm thứ 2, 31 SV năm thứ 3 và 72 SV năm thứ 4 thuộc 4 chuyên ngành: Văn hóa Việt Nam (36,7%), Công nghiệp văn hóa (32,3%), Truyền thông văn hóa (15,8%) và Việt Nam học (15,2%). Trong đó, tỉ lệ năng lực tiếng Anh do SV tự đánh giá bản thân dựa trên Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc tại Việt Nam được phân bố trong các nhóm SV như sau:

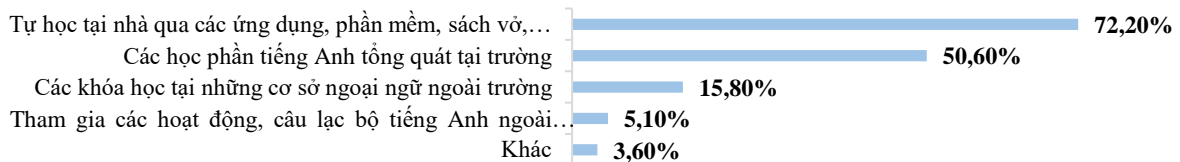


Biểu đồ 1. Tỉ lệ năng lực tiếng Anh do SV tự đánh giá dựa trên Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc, chia theo cơ cấu SV tham gia khảo sát

Như vậy, có thể thấy rất rõ, dù không trải qua bất cứ bài test năng lực tiếng Anh nào trong khảo sát này, chỉ với bảng mô tả kĩ năng dựa trên Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc đính kèm, số lượng SV tự đánh giá năng lực tiếng Anh của bản thân ở mức dưới chuẩn B1 chiếm tỉ lệ rất cao trong các nhóm SV: năm thứ 2 chiếm 90,9%, năm thứ 3 chiếm 84,7% và năm thứ 4 chiếm 71,2%. Trong khi tỉ lệ SV đạt chuẩn và vượt chuẩn B1 lại chiếm tỉ lệ khá thấp, thậm chí rất thấp ở các nhóm SV và không tăng thêm đáng kể cho đến năm thứ 4 (đạt chuẩn chiếm 20,5%, vượt chuẩn là 8,3%). Điều này thể hiện sự thiếu tự tin trong tư duy và năng lực sử dụng tiếng Anh của SV ngành Văn hóa học. Đây là một thực trạng đáng lo ngại, dù có vượt qua các bài kiểm tra và hoàn thành 2 học phần tiếng Anh tổng quát ở những năm đầu nhưng nhiều khả năng sau khi tốt nghiệp, phần lớn SV ngành Văn hóa học Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh vẫn chưa đạt được mục tiêu chuẩn đầu ra tiếng Anh của chương trình đào tạo.

2.2.2. Về hoạt động tiếng Anh chính khóa

Theo thống kê từ ý kiến 158 SV ngành Văn hóa học về các hoạt động mà SV đã và đang tham gia nhằm tích lũy và cải thiện năng lực tiếng Anh của bản thân trong thời gian theo học tại Trường (đây là mục mà SV có thể chọn nhiều đáp án), kết quả thu được như sau:

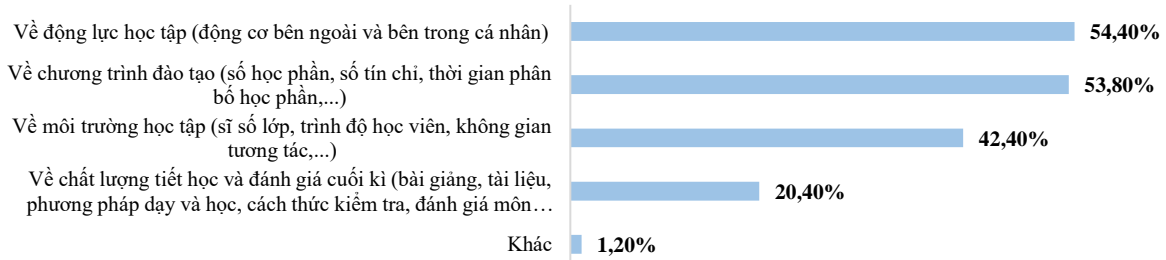


Biểu đồ 2. Các hoạt động giúp SV tích lũy và cải thiện năng lực tiếng Anh

Như biểu đồ đã thể hiện, phần lớn SV đều lựa chọn tự học tại nhà qua các ứng dụng, phần mềm, sách vở, ... (chiếm 72,2%) và hoàn thành các học phần tiếng Anh tổng quát tại trường (chiếm 50,6%). Điều này cho thấy, các học phần tiếng Anh trong chương trình đào tạo của Trường đang đáp ứng khá tốt nguyện vọng tích lũy và nâng cao

năng lực tiếng Anh của đa số SV ngành Văn hóa học; tuy so với mục tiêu đạt chuẩn trình độ B1 sau khi hoàn thành các học phần tiếng Anh mà bản thân SV tự đánh giá ở biểu đồ 1 là chưa đạt nhưng không thể phủ nhận vai trò tích cực của hoạt động dạy và học tiếng Anh tại trường thực sự đem lại hiệu quả cải thiện năng lực tiếng Anh cho SV. Thêm nữa, tỉ lệ hoạt động này cần được kì vọng nâng cao hơn ở mức 80-90% (cùng với việc tự học tại nhà) vì đây chính là hoạt động học tập tiếng Anh đảm bảo chuyên môn, chất lượng, đã được thiết kế bài bản và kiểm duyệt để đào tạo cho trình độ cử nhân tại Việt Nam so với các hoạt động ngoài trường khác.

Tiếp theo là khảo sát về những yếu tố ảnh hưởng đến việc học tập tiếng Anh tại Trường và kết quả thống kê ý kiến của SV về những điều cần cải thiện (đây là mục mà SV có thể chọn nhiều đáp án) như sau:



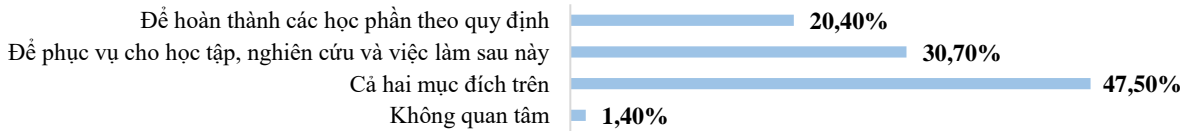
Biểu đồ 3. Những điều cần cải thiện khi học tập tiếng Anh tại Trường

Như vậy, theo ý kiến của SV ngành Văn hóa học, xét từ cả phía nhà trường lẫn cá nhân người học, động lực học tập và chương trình đào tạo là hai yếu tố cần phải cải thiện nhiều nhất (lần lượt chiếm tỉ lệ là 54,4% và 53,8%) bên cạnh môi trường học tập (chiếm 42,4%), chất lượng tiết học và đánh giá cuối kì (chiếm 20,4%) và các yếu tố khác (chiếm 1,2%).

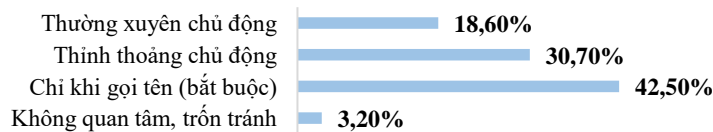
- Thứ nhất, về động lực học tập:

Theo Hoàng Thị Mỹ Nga và Nguyễn Tuấn Kiệt (2016), động lực học tập của SV chịu tác động bởi các nhóm nhân tố ngoại vi thuộc về nhà trường, gia đình, xã hội và nhân tố nội vi thuộc về đặc tính cá nhân của SV đó.

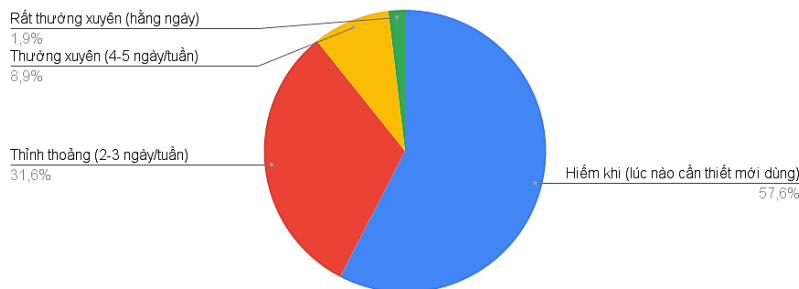
Để tìm hiểu và xem xét động lực học tập tiếng Anh của SV ngành Văn hóa học, chúng tôi đã khảo sát ở 3 khía cạnh: mục tiêu học tập tiếng Anh, tần suất tham gia phát biểu trong các tiết học tiếng Anh và nhu cầu sử dụng tiếng Anh trong học tập và đời sống. Dưới đây lần lượt là các biểu đồ thể hiện những dữ liệu đã thu thập được:



Biểu đồ 4. Mục tiêu học tập tiếng Anh của SV



Biểu đồ 5. Tần suất SV tham gia phát biểu trong các tiết học tiếng Anh



Biểu đồ 6. Nhu cầu sử dụng tiếng Anh của SV trong học tập và đời sống

Lần lượt qua từng biểu đồ, đầu tiên, có thể thấy rằng, phần lớn SV đều xác định được mục tiêu học tập tiếng Anh tại trường là để hoàn thành các học phần theo quy định và để phục vụ cho học tập, nghiên cứu, việc làm sau này (trong đó, lựa chọn cả hai mục tiêu chiếm 47,5%, riêng lẻ từng mục tiêu lần lượt là 20,4% và 30,7%, có rất ít SV (chiếm 1,4%) không quan tâm đến mục tiêu học tập). Tuy nhiên, kế tiếp về tần suất tham gia phát biểu trong các tiết học tiếng Anh thì hầu hết SV không chủ động trong tương tác, phát biểu, đóng góp xây dựng bài: tỉ lệ SV chỉ khi gọi tên (bắt buộc) phát biểu chiếm cao nhất đến 42,5%; không quan tâm, trốn tránh là 3,2%; thỉnh thoảng chủ động là 30,7% và chỉ có 18,6% là thường xuyên chủ động. Điều này phản ánh đa phần SV mặc dù hiểu được mục tiêu của việc học tập tiếng Anh nhưng trong các tiết học lại không có nhiều hứng thú, nỗ lực cá nhân và tinh thần học tập tốt.

Cuối cùng, nhu cầu sử dụng tiếng Anh trong học tập và đời sống của SV ngành Văn hóa học ở giai đoạn còn đang theo học tại Trường là khá thấp. Tỉ lệ hiếm khi dùng chiếm đến 57,6%, thỉnh thoảng mới dùng chiếm 31,6% trong tổng số SV được khảo sát cho thấy thực tế SV ngoài học tiếng Anh ở trường thì không có hoạt động nào bắt buộc dùng tiếng Anh hoặc có nhu cầu tự tra dồi tiếng Anh thường xuyên, liên tục. Chính vì nhu cầu sử dụng thấp nên nhiều khả năng động lực để học tập tiếng Anh của SV cũng không cao, dẫn đến quá trình học tập không hiệu quả và dĩ nhiên kết quả thu nhận được sẽ không như mong đợi. Do vậy, bản thân SV khi được hỏi về điều cần cải thiện khi học tập tiếng Anh tại Trường (dữ liệu ở biểu đồ 3) thì nhiều SV cũng xét thấy động lực học tập tiếng Anh của bản thân chính là yếu tố nên được nâng cao và thúc đẩy nhiều hơn.

- Thứ hai, về chương trình đào tạo (số học phần, tín chỉ, thời gian phân bố học phần tiếng Anh):

Theo Công thông tin Tuyển sinh chính thức của Bộ GD-ĐT (<https://thituyensinh.vn>, tra cứu nâng cao theo mã ngành đào tạo Văn hóa học (7229040)), hiện tại ở Việt Nam có khoảng 14 cơ sở giáo dục đại học đào tạo chương trình Cử nhân ngành Văn hóa học, phân bố theo 3 khu vực Bắc, Trung và Nam. Tuy nhiên, khi đi sâu vào tìm hiểu thì chỉ có một số trường hiển thị công khai khung chương trình đào tạo của ngành trên website. Có thể thấy rõ, ngoài các học phần tiếng Anh tổng quát bắt buộc ở tất cả các cơ sở giáo dục đại học dành cho SV không chuyên ngữ, hiện tại đã có một số trường chú trọng và đưa vào giảng dạy các học phần tiếng Anh chuyên ngành để nâng cao năng lực ngoại ngữ chuyên môn cho SV của họ.

Theo Hutchinson và Water (1987), “Tiếng Anh chuyên ngành” (English for Specific Purposes - ESP) là thuật ngữ dùng để chỉ tiếng Anh được dùng trong chuyên môn làm việc hoặc để phục vụ công việc ở từng chuyên ngành khác nhau. Còn Richards và Schmidt (2010) cho rằng “tiếng Anh chuyên ngành” là tiếng Anh được sử dụng để làm phương tiện truyền đạt thông tin và được giới hạn trong mỗi lĩnh vực nhất định; tiếng Anh chuyên ngành chứa đựng những từ vựng, ngữ pháp và đặc trưng ngôn ngữ khác với tiếng Anh thông thường.

Tuy nhiên, ở Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, khối kiến thức tiếng Anh chuyên ngành chưa được giảng dạy chính thức trong trường, dẫn đến tình trạng hầu hết SV ngành Văn hóa học gặp nhiều khó khăn khi bước đầu tiếp xúc với các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành trong tìm kiếm thông tin, đọc hiểu tài liệu học tập, nghiên cứu và giao tiếp chuyên môn về công việc sau này.

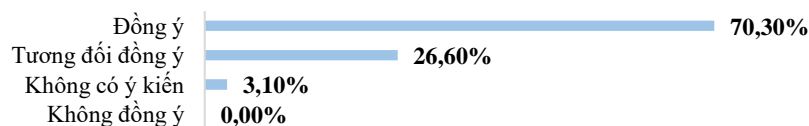
Thêm nữa, khối kiến thức tiếng Anh tổng quát trong 2 học phần Anh văn phần 1 và Anh văn phần 2 được phân bố giảng dạy ở hai năm đầu tiên của bậc đại học. Như vậy, nếu SV năm thứ 3 và năm thứ 4 không tham gia thêm bất cứ hoạt động tiếng Anh gì trong trường hoặc tự học tại nhà thì nhiều khả năng trình độ sẽ bị mai một dần đi.

- Thứ ba, về môi trường học tập:

Theo kết quả khảo sát ở biểu đồ 3, môi trường học tập là yếu tố thứ ba chiếm tỉ lệ 42,4% ý kiến SV về những điều cần cải thiện khi học tập tiếng Anh. SV bày tỏ việc sĩ số lớp đông (trung bình khoảng 50 SV trở lên/lớp), trình độ giữa các SV không đồng đều, lớp học kiểu truyền thống không có nhiều không gian và cơ hội tương tác giữa giảng viên và SV, giữa SV và SV với nhau, thiết bị nghe - nhìn chưa bảo đảm truyền phát thông tin hiệu quả đến tất cả SV trong phòng lớn,... đã gây ảnh hưởng phần nào đến quá trình và chất lượng học tập tiếng Anh của SV.

- Thứ tư, về chất lượng tiết học và đánh giá cuối kì:

Theo biểu đồ 3 ở trên thì đây là mục chiếm tỉ lệ không cao (20,4%) trong những điều cần cải thiện khi học tập tiếng Anh tại Trường, tức là có đến 79,6% SV khảo sát đồng ý về chất lượng tiết học và cách đánh giá cuối kì hiện nay. Chúng tôi có đưa thêm một phần câu hỏi nữa để thu thập ý kiến SV một cách chi tiết hơn cho mục này như sau:



Biểu đồ 7. Đánh giá về chất lượng tiết học và cách thức kiểm tra, đánh giá cuối kì trong học phần Tiếng Anh

Như vậy, sau khi tham gia và hoàn thành 2 học phần Tiếng Anh tổng quát ở Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, SV đều đánh giá ở mức đồng ý (chiếm 70,3%) và ở mức tương đối đồng ý (chiếm 26,6%) với bài giảng, giáo trình, tài liệu tham khảo, phương pháp giảng dạy và cách thức kiểm tra, đánh giá của giảng viên. Tỷ lệ mức đồng ý rất cao và tuyệt đối không có mức đánh giá không đồng ý. Điều này thể hiện sự đầu tư, tâm huyết và năng lực chuyên môn cao của giảng viên trong giảng dạy các học phần tiếng Anh. Vì thế, tỷ lệ này cần phải được duy trì và nên kỳ vọng cao hơn nữa trong tương lai để tiếp tục góp phần mang đến hiệu quả học tập tốt cho SV.

2.2.3. Về hoạt động tiếng Anh ngoại khóa

Trong nghiên cứu về các hoạt động ngoại khóa, Bartkus và cộng sự (2012) có chỉ ra rằng hoạt động ngoại khóa là những hoạt động giáo dục không bắt buộc, không phải trả phí, mang tính chất tương tác, hỗ trợ cho chương trình giáo dục ở trường.

Hoạt động ngoại khóa các môn học mà cụ thể là tiếng Anh bao gồm một số các hình thức tổ chức như câu lạc bộ tiếng Anh; các cuộc thi hùng biện, viết bài nghị luận, ... bằng tiếng Anh; hội thảo, diễn đàn, chương trình chia sẻ kinh nghiệm dạy và học tiếng Anh, hoặc giao lưu văn hóa quốc tế, ... sau giờ lên lớp. Đây là những hoạt động không chỉ giúp cho SV phát triển tốt về tư duy mà còn tạo điều kiện cho SV rèn luyện những kỹ năng mềm quan trọng; qua đó, SV biết cách tự trau dồi và nâng cao kiến thức, phát huy được năng lực giao tiếp trong xã hội và có thêm động lực học tập tiếng Anh liên tục, lâu dài.

Tuy nhiên, tại Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động ngoại khóa tiếng Anh lại không được Trường lẫn Khoa chuyên môn giảng dạy tiếng Anh quan tâm và chú trọng tổ chức. Theo ý kiến khảo sát, hầu hết SV cho rằng các cuộc thi, sự kiện, hội thảo liên quan đến đào tạo tiếng Anh của trường rất ít, hầu như không có các chương trình giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm học tập tiếng Anh thường kỳ và cũng không có câu lạc bộ tiếng Anh hàng tuần ở cả hai cơ sở. Đây là một thực trạng khá đáng tiếc. SV ngành Văn hóa học nói riêng và toàn trường nói chung rất mong đợi Nhà trường và Khoa chuyên môn sớm có những kế hoạch và tổ chức các hoạt động ngoại khóa tiếng Anh nhiều hơn trong tương lai.

2.3. Một số khuyến nghị

Theo như kỳ vọng đạt chuẩn năng lực tiếng Anh B1 trở lên từ cả phía nhà trường lẫn SV, qua các thực trạng về hoạt động học tập tiếng Anh tại Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh đã phân tích, chúng tôi đưa ra một vài khuyến nghị trong những khía cạnh sau:

- Về động lực học tập:

Bên cạnh những nhân tố nội vi (như quan niệm, nhận thức, ý chí, tố chất, cảm xúc, ...) thuộc về đặc tính cá nhân SV, những nhân tố ngoại vi mà đặc biệt là khóa học và giảng viên giảng dạy cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tinh thần và quá trình học tập của SV. Kết quả nghiên cứu của Nguyễn Đình Thọ và Nguyễn Thị Mai Trang (2009) cho thấy, “*có tác động rất mạnh từ năng lực giảng viên đến động cơ học tập của SV và kiến thức thu nhận của SV; ..., năng lực giảng viên càng cao thì tác động đến động cơ học tập của SV càng mạnh*”.

Cho nên, mục tiêu chuẩn đầu ra của khóa học phải cụ thể, rõ ràng và phù hợp; giảng viên cần có phương pháp giảng dạy hiệu quả, biết cách tương tác, khuyến khích, chỉ dẫn và truyền cảm hứng cho SV, giúp SV có quan điểm và tư duy học tập chủ động, tích cực và lâu dài. Bởi theo Phạm Minh Hạc (2002, tr 15), “*học để làm bài kiểm tra khác với học để nhận thức vấn đề, lại càng khác với học để làm người*”. Vì vậy, nếu nhà trường, giảng viên và SV chú trọng cải thiện và nâng cao động lực học tập thì chắc chắn sẽ mang đến những hiệu quả tích cực trong kết quả học tập tiếng Anh của bản thân SV.

- Về chương trình đào tạo:

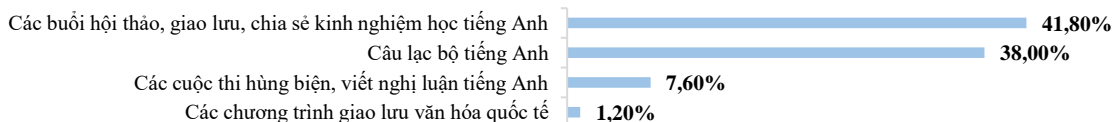
Hiện tại, trong chương trình đào tạo Cử nhân ngành Văn hóa học tại Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, bên cạnh 2 học phần tiếng Anh tổng quát phân bổ vào 2 năm học đầu tiên của mỗi niên khóa thì chưa có học phần tiếng Anh chuyên ngành phân bổ vào năm 3, 4 dành cho SV hệ không chuyên ngữ như một số trường đại học khác đào tạo ở cùng trình độ và hình thức đã nhắc đến phía trên. Do vậy, chúng tôi tiến hành khảo sát hầu hết SV ngành Văn hóa học để lấy ý kiến về việc đề xuất học tiếng Anh chuyên ngành ở các năm 3, 4 theo từng niên khóa. Kết quả cho thấy, phần lớn SV (chiếm đến 70,9%) cho rằng việc học tiếng Anh chuyên ngành trong trường đại học là rất cần thiết. Vì thế, căn cứ vào mặt bằng đào tạo chung của các trường đại học tại Việt Nam và theo nguyện vọng của SV, chúng tôi đề xuất với Nhà trường và Khoa chuyên môn xem xét, cân nhắc tổ chức thêm học phần tiếng Anh chuyên ngành dành cho các SV hệ không chuyên ngữ trong thời gian sắp tới.

- Về môi trường học tập:

Theo nghiên cứu của Trịnh Quốc Lập và Bùi Thị Mùi (2013), để có một môi trường học tập tốt dành cho SV đòi hỏi phải chú trọng xây dựng từ các yếu tố cơ sở vật chất, không gian lớp học, đến xây dựng môi trường tâm lý sư

phạm thuận lợi bằng những cách thức tạo nên sự quan tâm lẫn nhau giữa giảng viên với SV, giữa SV với SV, SV với môn học và việc học tập. Vấn đề cải thiện môi trường học tập này là một nhiệm vụ quan trọng trong công tác giáo dục và nâng cao chất lượng đào tạo của trường. Điều này cần được thực hiện thông qua việc tăng cường những yếu tố cơ sở vật chất và nâng cao cách thức quản lý lớp học như: nâng cấp trang thiết bị kỹ thuật dạy học; giới hạn sĩ số SV (tối đa 30 SV/lớp); phân lớp theo trình độ SV (bằng các bài test năng lực tiếng Anh trước khi xếp lớp); tạo không gian học tập khoa học, sáng tạo, tăng cường nội dung giao tiếp và đa dạng hóa các loại hình giao tiếp cho SV; đặc biệt cần phát huy tính tích cực, chủ động trong học tập của SV, tránh tình trạng lớp học chỉ là “chỗ ngồi” để nghe giảng viên nói.

- Về hoạt động ngoại khóa tiếng Anh:



Biểu đồ 8. Các hoạt động ngoại khóa tiếng Anh thường kì tại trường được SV đề xuất và tỉ lệ chấp thuận tham gia

Theo biểu đồ nguyện vọng của SV, phần lớn đều mong muốn tham gia các buổi hội thảo, giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm học tiếng Anh (chiếm 41,8%), câu lạc bộ tiếng Anh (chiếm 38%), các cuộc thi tiếng Anh (chiếm 7,6%) và các chương trình giao lưu văn hóa quốc tế (chiếm 1,2%). Vì vậy, đề xuất Nhà trường và Khoa chuyên môn xem xét tổ chức các hoạt động ngoại khóa này định kì hàng năm, hàng tháng hoặc hàng tuần để giúp SV có nhiều hơn nữa môi trường, điều kiện, cơ hội rèn luyện và nâng cao tiếng Anh tại trường.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng, hoạt động học tập tiếng Anh chính khóa lẫn ngoại khóa của SV không chuyên ngữ nói chung và SV ngành Văn hóa học nói riêng tại Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn những hạn chế nhất định. Nguyên nhân có thể do nhiều yếu tố khách quan lẫn chủ quan khác nhau từ phía Nhà trường, Khoa chuyên môn, giảng viên và chính bản thân SV. Trong bài báo này, chúng tôi đã nêu ra một số vấn đề cần chú trọng cải thiện trong hoạt động học tập tiếng Anh ở các khía cạnh như: động lực học tập, chương trình đào tạo, môi trường học tập và hoạt động ngoại khóa; đồng thời đề xuất những phương án, hành động với kì vọng nhà Trường và Khoa chuyên môn trong thời gian sắp tới sẽ có những thay đổi tích cực nâng cao chất lượng hoạt động học tập tiếng Anh cho SV ngành Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh nhằm đạt được chuẩn đầu ra như mục tiêu đề ra.

Tài liệu tham khảo

- Bartkus, K. R., Nemelka, B., Nemelka, M., & Gardner, P. (2012). Clarifying the Meaning of Extracurricular Activity: A Literature Review of Definitions. *American Journal of Business Education*, 5(6), 693-704. <https://doi.org/10.19030/ajbe.v5i6.7391>
- Bộ GD-ĐT (2014). *Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam*.
- Hoàng Thị Mỹ Nga, Nguyễn Tuấn Kiệt (2016). Phân tích các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên kinh tế Trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Cần Thơ, 46, 107-115.
- Hutchinson, T., & Waters, A. (1987). *English for Specific Purposes: A Learning-centred Approach*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Nguyễn Đình Thọ, Nguyễn Thị Mai Trang (2009). *Nghiên cứu khoa học trong Quản trị kinh doanh*. NXB Thống kê.
- Phạm Minh Hạc (2002). *Tuyển tập Tâm lí học*. NXB Giáo dục.
- Richards, J. C., & Schmidt, R. W. (2010). *Longman Dictionary of Language Teaching and Applied Linguistics (fourth edition)*. London: Longman (Pearson Education).
- Thủ tướng Chính phủ (2008). *Quyết định số 1400/QĐ-TTG ngày 30/9/2008 về việc phê duyệt đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020”*.
- Trịnh Quốc Lập, Bùi Thị Mùi (2013). *Xây dựng môi trường học tập của sinh viên trong lớp học theo học chế tín chỉ*. Kì yếu Hội thảo khoa học toàn quốc “Tâm lí học và vấn đề cải thiện môi trường giáo dục hiện nay”, Hội Khoa học tâm lí - giáo dục Việt Nam, 92-95.